

Cyberbullying among middle school students: an overview of research in the world and Vietnam

Truong Thanh Long*, To Thi Minh Tam

Faculty of Social Sciences and Humanities, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 30/08/2023; Revised: 27/10/2023;

Accepted: 20/11/2023; Published: 28/04/2024

ABSTRACT

The article aims to synthesize studies in the world and Vietnam on the issue of cyberbullying on social networks in middle school students. A total of 50 studies were selected, including 6 Vietnamese documents and 44 English documents. The topics for discussion include the situation of cyberbullying, the impact of cyberbullying, and the factors affecting cyberbullying in middle school students. The results reveal that the situation of cyberbullying in middle school students is quite common, ranging between 10 percent and 40 percent, which depends on the demographic characteristics of the individuals sampled and the cyberbullying scale used; moreover, cyberbullying has negative impacts on physical health, mental health as well as activities and behaviors of middle school students; and finally, factors affecting cyberbullying in middle school students include demographic (gender, age), personal and situational factors. Research on cyberbullying in middle school students in Vietnam is still limited, so it is very important to study this issue in the future.

Keywords: *Cyberbullying, situation, impact, factors affecting, middle school students.*

*Corresponding author:

Email: truongthanlong@qnu.edu.vn

Bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học cơ sở: tổng quan các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam

Trương Thanh Long*, Tô Thị Minh Tâm

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 30/08/2023; Ngày sửa bài: 27/10/2023;

Ngày nhận đăng: 20/11/2023; Ngày xuất bản: 28/04/2024

TÓM TẮT

Bài báo nhằm tổng hợp các công trình nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về vấn đề bắt nạt trực tuyến (BNTT) trên mạng xã hội (MXH) ở học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS). Tổng cộng có 50 nghiên cứu được lựa chọn, trong đó có 6 tài liệu tiếng Việt và 44 tài liệu tiếng Anh. Các nội dung tập trung thảo luận đó là thực trạng BNTT, sự tác động của BNTT và các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề BNTT ở HS THCS. Kết quả cho thấy, thứ nhất, thực trạng BNTT ở HS THCS khá phổ biến nằm trong khoảng từ 10 đến 40%, tỷ lệ này phụ thuộc vào các yếu tố như đặc điểm nhân khẩu học của cá nhân được lấy mẫu và thang đo BNTT được sử dụng; thứ hai, BNTT có những tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần cũng như hoạt động và hành vi của HS THCS; cuối cùng, về các yếu tố ảnh hưởng vấn đề BNTT ở HS THCS bao gồm những yếu tố nhân khẩu học (giới tính, độ tuổi) và các yếu tố cá nhân cũng như các yếu tố tình huống. Việc nghiên cứu vấn đề BNTT ở HS THCS ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có nhiều công trình tập trung nghiên cứu vấn đề này, chính vì thế việc nghiên cứu vấn đề này là điều hết sức cần thiết trong tương lai.

Từ khóa: Bắt nạt trực tuyến, thực trạng, sự tác động, các yếu tố ảnh hưởng, học sinh trung học cơ sở.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu đối với đời sống con người. Những tiện ích của nó đã thu hút đông đảo mọi người sử dụng, nhất là thế hệ trẻ. Đặc biệt, trong những năm đại dịch Covid-19 diễn ra, số lượng người sử dụng mạng xã hội (MXH) đã tăng lên một cách nhanh chóng.

Việc sử dụng MXH mang lại cơ hội tuyệt vời để kết nối với những người khác, tạo ra các cộng đồng trực tuyến nơi mà người sử dụng có thể gặp gỡ những người cùng sở thích hoặc duy trì mối quan hệ với những người khác.¹ MXH đã

giúp cho con người rất nhiều trong công việc, học tập, giải trí cũng như nhiều lĩnh vực khác trong đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, ngoài những mặt tích cực, MXH cũng gây ra nhiều tác động tiêu cực ảnh hưởng đến lối sống, tâm lý, hành vi cũng như nhân cách của mỗi người. Việc sử dụng MXH mang lại rủi ro cho những người liên quan, đặc biệt là đối với trẻ em và thanh thiếu niên, và bắt nạt trực tuyến là một trong số đó.^{2,3} Thực trạng hiện nay cho thấy, sự tăng lên về hành vi sử dụng mạng xã hội của giới trẻ kéo theo sự tăng lên các hành vi lệch chuẩn của trẻ, đặc biệt là hành vi bắt nạt, trong đó một dạng bắt nạt mới đó là bắt nạt trực tuyến. Kết quả khảo

*Tác giả liên hệ chính.

Email: truongthanhlong@qnu.edu.vn

sát của tổ chức UNICEF chỉ ra, hơn một phần ba thanh thiếu niên ở 30 quốc gia cho biết đã từng là nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến (BNTT). Cũng theo khảo sát này, 21% thanh thiếu niên Việt Nam tham gia khảo sát cho biết họ là nạn nhân của BNTT và hầu hết (75%) đều không biết về đường dây nóng hoặc các dịch vụ có thể giúp họ nếu bị BNTT.⁴ Có thể thấy, ảnh hưởng của BNTT đến lứa tuổi học sinh là hết sức to lớn, đặc biệt là lứa tuổi vị thành niên. Tuổi vị thành niên dường như là thời điểm đặc biệt dễ bị tổn thương đối với việc trở thành nạn nhân và phạm tội BNTT so với các nhân khẩu học ở độ tuổi khác.⁵⁻⁷ BNTT có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của các em. Theo Evangelio và cộng sự khi nghiên cứu về vấn đề bắt nạt trực tuyến đã khẳng định, BNTT có tác động tiêu cực đến thể chất, các mặt đời sống tâm lý - xã hội cũng như hoạt động của con người như lòng tự trọng thấp, căng thẳng, lo lắng, trầm cảm, kết quả học tập thấp, có ý định tự sát, làm tăng hành vi hung hăng.⁸

Có thể thấy, những tác động của BNTT đến lứa tuổi thanh thiếu niên là hết sức to lớn. Việc đánh giá để xác định các vấn đề liên quan đến BNTT ở học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) là điều hết sức cần thiết nhằm làm cơ sở để hỗ trợ, can thiệp, tác động và giúp đỡ các em. Chính vì thế, cần có một đánh giá tổng quan vấn đề BNTT ở HS THCS, từ đó có những định hướng nghiên cứu trong tương lai.

2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Về định nghĩa BNTT hiện nay vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về vấn đề này. Việc định nghĩa BNTT đã được chứng minh là một trong nhiều thách thức mà các nhà nghiên cứu trong khu vực phải đối mặt.⁹⁻¹¹ Mỗi tác giả với lĩnh vực và mục đích nghiên cứu khác nhau có thể đưa ra những khái niệm khác nhau.

Theo Smith và cộng sự, “BNTT là một hành động hung hăng, cố ý được thực hiện bởi một nhóm hoặc cá nhân, sử dụng các hình thức liên lạc điện tử, lặp đi lặp lại và theo thời gian đối với một nạn nhân không thể tự bảo vệ mình một cách dễ dàng”. Đây là định nghĩa dựa trên cơ

sở định nghĩa của Dan Olweus về bắt nạt truyền thống đó là tính gây hấn, lặp lại và mất cân bằng quyền lực, khác chỗ là BNTT sử dụng các hình thức liên lạc điện tử để thực hiện hành vi bắt nạt của mình.¹²

Theo Tokunaga, “BNTT là bất kỳ hành vi nào được thực hiện thông qua phương tiện điện tử hoặc phương tiện kỹ thuật số bởi các cá nhân hoặc nhóm liên tục truyền đi các thông điệp thù địch hoặc hung hăng nhằm gây tổn hại hoặc khó chịu cho người khác”. Trong định nghĩa này của Tokunaga không bao gồm sự khác biệt về quyền lực, đây là đặc điểm chính của hành vi bắt nạt truyền thống. Tuy nhiên, Smith, del Barrio và Tokunaga giải thích rằng sự mất cân bằng quyền lực với các phương tiện điện tử có thể được hiểu theo sự khác biệt về chuyên môn công nghệ giữa kẻ bắt nạt và nạn nhân, tình trạng ẩn danh tương đối, địa vị xã hội, số lượng bạn bè hoặc vị trí nhóm bị thiệt thòi.¹³

Còn theo Trần Văn Công và cộng sự khi nghiên cứu về chiến lược ứng phó với BNTT của HS ở Việt Nam cũng đã đưa ra khái niệm BNTT như sau: “BNTT nằm trong hình thức bắt nạt gián tiếp, xảy ra khi một người hoặc một nhóm người (thủ phạm) thực hiện hành vi bắt nạt thông qua các tiện ích và ứng dụng trên internet hướng tới việc làm tổn thương tinh thần, tâm lý của người khác (nạn nhân) một cách có chủ ý, lặp đi lặp lại và có thái độ đe dọa, thù địch”.¹⁴

Nhìn chung, các tác giả đều cho rằng BNTT là hình thức bắt nạt bằng cách sử dụng công nghệ để thực hiện hành vi bắt nạt. BNTT đều có một số đặc điểm chung như: (1) *Tính chủ đích*: nghĩa là những hành động BNTT đều có ý định làm tổn hại đến nạn nhân; (2) *Tính lặp lại*: các nội dung trực tuyến tự nó tạo nên sự lặp lại vì chúng có thể được xem và chuyển tiếp nhiều lần; (3) *Mất cân bằng quyền lực*: sự mất cân bằng quyền lực với các phương tiện điện tử có thể được hiểu theo sự khác biệt về chuyên môn công nghệ giữa kẻ bắt nạt và nạn nhân, tình trạng ẩn danh tương đối, địa vị xã hội, số lượng bạn bè hoặc vị trí nhóm bị thiệt thòi; (4) *Tính ẩn*

danh và công khai: tính ân danh xảy ra khi nạn nhân không biết danh tính của kẻ bắt nạt có thể làm tăng cảm giác thất vọng và bất lực, tính công khai – chế độ công khai các hoạt động trên môi trường mạng dẫn đến hành động BNTT gây ảnh hưởng lớn đến nạn nhân, chẳng hạn thủ phạm có thể công khai các hình ảnh, tin nhắn, video clip... làm tổn hại nạn nhân đến nhiều người. Đặc biệt, MXH là môi trường mở dẫn đến nhiều người dễ dàng tiếp cận, chứng kiến, điều này dẫn đến những tác động nghiêm trọng đến nạn nhân.¹⁵

Các hành vi BNTT bao gồm các hành vi như phàn xét, phỉ báng, đe dọa, dụ dỗ, gạ gẫm, gây rắc rối, xúc phạm, khủng bố... thông qua quá trình tương tác trên mạng như: nhắn tin, gọi điện, bình luận, gửi hình ảnh, video clip, chia sẻ các thông tin, đăng tải các status... làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín, danh dự, nhân phẩm và tổn thương đến sức khỏe, tinh thần, tâm lý của người khác. Những hành vi này được thủ phạm thực hiện có chủ đích và thường xuyên lặp lại đến nạn nhân.

Những cá nhân thực hiện hành vi bắt nạt được gọi là thủ phạm BNTT và những cá nhân bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hành vi này được gọi là nạn nhân BNTT. Khái niệm nạn nhân hóa BNTT (cybervictimisation) xuất hiện vào những năm 2000 song song với thủ phạm BNTT. Nạn nhân BNTT là những cá nhân bị bắt nạt trên mạng lặp đi lặp lại và được coi là kém mạnh mẽ hơn so với thủ phạm BNTT.¹⁰

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp tổng quan

Tổng quan mô tả (Narrative literature reviews)

3.2. Cách thức tìm kiếm tài liệu

+ Tài liệu tiếng Anh: Sử dụng kỹ thuật tìm kiếm bằng toán tử (AND, OR) với các từ khóa: “Cyberbullying”, “Cyberbullying behavior of Middle school students”, “The impact of cyberbullying”, “Factors affecting cyberbullying”. Từ các từ khóa trên, chúng tôi đã tìm kiếm từ các cơ sở dữ liệu PsychINFO, PubMed, Google

Scholar, Science Direct, Sci-hub, Scopus Preview, Researchgate và từ một số nguồn khác.

+ Tài liệu tiếng Việt: sử dụng các từ khóa: Bắt nạt trực tuyến, hành vi BNTT của HS THCS, “tác động của BNTT”, “ Các yếu tố ảnh hưởng đến BNTT” trên các công cụ tìm kiếm như Google Scholar, Vietnam Journals Online (VJOL), Thư viện Quốc gia Việt Nam, Researchgate và các trang thư viện điện tử của các trường đại học trong nước. Ngoài ra việc tìm kiếm thủ công đã được thực hiện để sàng lọc các tạp chí có liên quan xuất bản, cũng như các bài đánh giá và phân tích tổng hợp khác về chủ đề này.

3.3. Tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu

Nội dung tập trung vào các nghiên cứu về thủ phạm và nạn nhân BNTT ở HS THCS. Các tài liệu lựa chọn đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

+ Có nguồn gốc rõ ràng, được xuất bản chính thức, ưu tiên các tài liệu từ các cơ sở dữ liệu, tổ chức có uy tín (trường đại học, nhà xuất bản, cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế).

+ Đối với tài liệu là các bài báo khoa học/nghiên cứu: chỉ lựa chọn các kết quả tìm kiếm được công bố trên các tạp chí khoa học có bình duyệt.

+ Tìm kiếm dựa trên các từ khóa tiếng Anh và tiếng Việt; không giới hạn góc độ nghiên cứu, thời gian theo dõi, cỡ mẫu, thời gian xuất bản.

+ Các tài liệu bị loại trừ nếu không đạt các tiêu chí lựa chọn trên, bản đầy đủ sử dụng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, tiếng Việt.

3.4. Kết quả tìm kiếm

Từ các cơ sở dữ liệu trên, chúng tôi tìm được 81 tài liệu. Tiếp đó dựa trên tiêu đề, tóm tắt và từ khóa của tài liệu, sau đó tiến hành đọc bản đầy đủ của các tài liệu, chúng tôi đã loại bỏ 31 tài liệu không đảm bảo như: ít liên quan, trùng lặp và không đảm bảo tiêu chí ở phần trên. Kết quả cuối cùng chúng tôi đưa vào tổng quan 50 tài liệu, trong đó 6 tài liệu tiếng Việt và 44 tài liệu tiếng Anh.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Các nghiên cứu về thực trạng BNTT ở HS THCS

Nghiên cứu của Robin Kowalski và Susan Limber “Electronic bullying among middle school students” (Bắt nạt điện tử ở HS THCS). Các nhà nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 3.767 học sinh trung học cơ sở các lớp 6, 7 và 8 theo học tại sáu trường học ở miền đông nam và tây bắc Hoa Kỳ. Kết quả cho thấy, 1% cho biết các em đã bị bắt nạt qua mạng ít nhất một lần trong vài tháng qua (chỉ nạn nhân); 7% cho biết họ là kẻ bắt nạt/nạn nhân; và 4% đã bắt nạt người khác bằng phương tiện điện tử ít nhất một lần trong vài tháng trước đó (chỉ những kẻ bắt nạt). Các phương pháp bắt nạt điện tử phổ biến nhất (theo báo cáo của cả nạn nhân và thủ phạm) liên quan đến việc sử dụng tin nhắn tức thời, phòng trò chuyện và email. Điều quan trọng là gần một nửa số nạn nhân bị bắt nạt điện tử cho biết họ không biết danh tính của thủ phạm¹⁶.

Nghiên cứu “Risk factors for involvement in cyber bullying: Victims, bullies and bully-victims” của Mishna và cộng sự nhằm kiểm tra tần suất bắt nạt trên mạng ở thanh thiếu niên bằng cách phân biệt giữa ba loại liên quan đến bắt nạt trên mạng: nạn nhân, kẻ bắt nạt và vừa là nạn nhân, vừa là kẻ bắt nạt. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 2.186 học sinh trung học cơ sở (lớp 6, 7) và trung học phổ thông (lớp 10, 11) tại Canada. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hơn 50% học sinh trong nghiên cứu này tự nhận mình có liên quan đến bắt nạt trên mạng, với tư cách là nạn nhân, thủ phạm hoặc cả hai. Gần một phần tư học sinh (23,8%) cho biết mình là nạn nhân, 8% cho biết đã bắt nạt người khác trên mạng và một phần tư học sinh (25,7%) cho biết đã từng tham gia bắt nạt trên mạng với tư cách vừa là kẻ bắt nạt vừa là nạn nhân trong ba tháng trước đó. Các em trai cho biết bắt nạt người khác nhiều hơn các em gái, trong khi các em gái cho biết mình là nạn nhân, vừa bị bắt nạt vừa là nạn nhân. Trẻ nhỏ hơn báo cáo là nạn nhân của bắt nạt trên mạng nhiều hơn trẻ lớn hơn, trong khi xu hướng ngược lại được thể hiện đối với trẻ lớn hơn, những người

có nhiều khả năng báo cáo là kẻ bắt nạt và vừa là nạn nhân – vừa là kẻ bắt nạt.¹⁷

E. Rice và cộng sự trong nghiên cứu “Cyberbullying perpetration and victimization among middle-school students” (Thủ phạm và nạn nhân BNTT ở HS THCS) đã tiến hành khảo sát 1.285 học sinh tại các trường trung học cơ sở của Học khu Thống nhất Los Angeles. Kết quả nghiên cứu cho thấy, gần 5% HS được khảo sát cho biết họ từng là kẻ bắt nạt trên mạng, 6,6% cho biết họ là nạn nhân và 4,3% cho biết họ vừa là nạn nhân – vừa là thủ phạm BNTT trong 12 tháng trước đó. Facebook là diễn đàn phổ biến nhất để bắt nạt nạn nhân trực tuyến (60,4%), tiếp theo là một số nền tảng công nghệ khác (31,5%) và nhắn tin văn bản với tỷ lệ 25,7%.¹⁸

Trong nghiên cứu của Hinduja và Patchin “cyberbullying research summary, cyberbullying and suicide” (Tóm tắt nghiên cứu về bắt nạt trực tuyến, bắt nạt trên mạng và tự sát) chỉ ra rằng hơn một nửa số thanh thiếu niên Mỹ đã báo cáo là nạn nhân của bắt nạt trên mạng. Hơn nữa, nghiên cứu đã tìm thấy mối liên hệ giữa trải nghiệm bắt nạt trực tuyến và những hành vi tiêu cực xảy ra như giảm hiệu suất ở trường, nghỉ học, trốn học, bỏ học và hành vi bạo lực, và các tác động tiêu cực đến tâm lý như trầm cảm, lòng tự trọng thấp và thậm chí tự sát. Theo thống kê của Tổ chức DLABC (Ditch the Label Anti Bullying Charity) năm 2013 về khảo sát hiện tượng bắt nạt trực tuyến thì Facebook, Twitter, YouTube, Ask.fm và Instagram đã được liệt kê là năm mạng hàng đầu có tỷ lệ người dùng báo cáo trải nghiệm bắt nạt trên mạng cao nhất.¹⁹

Một cuộc khảo sát quy mô lớn của W. Craig và cộng sự “Social media use and cyberbullying: A cross-national analysis of young people in 42 countries” nhằm đánh giá mối quan hệ giữa việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội và hành vi BNTT ở 42 quốc gia. Các nhà nghiên cứu tiến hành 180.919 thanh thiếu niên (tuổi từ 11 đến 15 tuổi) ở 42 quốc gia (châu Âu và Canada). Trong đó, 86.981 HS nam (chiếm 48,1%), 93.938 HS nữ (chiếm 51,9%); HS 11 tuổi là 56.219 người (31,1%), HS 13 tuổi là 62.661 người (34,6%),

HS 15 tuổi là 62.039 người (34,3%). Trong 42 quốc gia, có 31 quốc gia thu nhập cao và 11 quốc gia thu nhập trung bình và thấp. Các nhóm nghiên cứu quốc gia đã khảo sát các mẫu trẻ em 11, 13 và 15 tuổi đại diện trên toàn quốc theo một quy trình nghiên cứu chung. Bảng câu hỏi được dịch cho phù hợp với ngôn ngữ của các quốc gia tham gia theo một quy trình chuẩn bao gồm dịch, dịch ngược sang tiếng Anh, sau đó xác minh tập trung. Quy trình lấy mẫu liên quan đến việc lựa chọn các lớp học trong các trường học với các tiêu chí lấy mẫu khác nhau phù hợp với hoàn cảnh ở cấp quốc gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ nạn nhân được báo cáo do bắt nạt trên mạng và việc thực hiện BNTT thay đổi theo quốc gia, giới tính và nhóm tuổi. Tỷ lệ trung bình các em gái bị bạo hành theo báo cáo cao hơn các em trai, đặc biệt là ở độ tuổi 13. Ngược lại, tỷ lệ phạm tội trung bình được báo cáo bởi các bé trai cao hơn các bé gái ở tất cả các nhóm tuổi. Trong khi đó việc sử dụng MXH cường độ cao tăng lên theo nhóm tuổi, đặc biệt là HS nữ. Các HS nữ ít có khả năng tham gia vào việc sử dụng MXH có vấn đề hơn ở tuổi 11, nhưng có nhiều khả năng hơn ở độ tuổi 13 và 15. Thường xuyên tiếp xúc trực tuyến với người lạ tăng theo độ tuổi và phổ biến hơn ở nam so với nữ. Nhìn chung, ở các bé gái, tỷ lệ việc sử dụng MXH có vấn đề cao hơn tỷ lệ thường xuyên tiếp xúc với người lạ. Ở các bé trai, tỷ lệ tiếp xúc thường xuyên với người lạ cao hơn tỷ lệ việc sử dụng MXH có vấn đề.²⁰

Tại Việt Nam cũng có một số công trình nghiên cứu về BNTT liên quan đến HS THCS.

Trần Văn Công và cộng sự trong nghiên cứu “Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến” cũng đã tiến hành tìm hiểu mối quan hệ giữa bắt nạt trực tuyến và cách ứng phó của học sinh trung học khi các em bị bắt nạt trực tuyến. 736 học sinh của 8 trường THCS và THPT ở Hà Nội, Hà Nam và Hải Dương đã tham gia vào nghiên cứu này. Kết quả cho thấy 183 học sinh (chiếm 24% tổng số khách thể nghiên cứu) là nạn nhân của ít nhất một hình thức bắt nạt trực tuyến. Mức độ và hình thức bị bắt nạt ở nạn nhân có sự khác biệt xét về mặt giới tính, khu

vực sống, độ tuổi và cấp học. Nạn nhân thường ít chia sẻ việc mình bị bắt nạt, và lảng tránh vấn đề này, tuy vậy các em nhận thức được sự nghiêm trọng của bắt nạt trực tuyến, coi đó không phải chuyện bình thường chỉ xảy ra trên mạng.¹⁴

Trong nghiên cứu “Bắt nạt của học sinh trong thời đại số” của Trần Văn Công, nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng vấn đề học sinh tham gia vào bắt nạt truyền thống, bắt nạt trực tuyến và mối quan hệ giữa các hình thức này. Khách thể nghiên cứu gồm 1.040 học sinh tại 4 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong năm học này, có 75,7% số học sinh tham gia vào bắt nạt truyền thống và 32,5% số học sinh tham gia vào bắt nạt trực tuyến ở các mức độ khác nhau, từ 1-2 lần trong năm học cho đến hàng ngày, với các vai trò khác nhau như thủ phạm, nạn nhân hoặc cả hai. Thời lượng sử dụng internet, trải nghiệm bắt nạt hoặc bị bắt nạt truyền thống có tương quan thuận từ mức thấp đến trung bình với mức độ bắt nạt và bị bắt nạt trực tuyến.²¹

Qua một số công trình nghiên cứu cho thấy, thực trạng BNTT ở HS THCS cũng khá phổ biến. Các em có thể trở thành nạn nhân hoặc thủ phạm BNTT hoặc có thể vừa là nạn nhân, vừa là thủ phạm BNTT. Việc đánh giá được thực trạng và xác định rõ các em là đối tượng nào có ý nghĩa quan trọng trong việc can thiệp, hỗ trợ, giúp đỡ đối với các em, cũng như đưa ra cách tác động phù hợp để ngăn ngừa vấn đề BNTT.

4.2. Các nghiên cứu về sự tác động tiêu cực của BNTT đối với HS THCS

Những tác động tiêu cực của BNTT đến đời sống con người, đặc biệt là lứa tuổi thanh thiếu niên và trẻ em là rất nghiêm trọng. Điều này được các nhà nghiên cứu làm rõ trong nhiều công trình nghiên cứu khác nhau với mục đích giúp các nhà giáo dục, phụ huynh và các em nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của BNTT, đồng thời đặt ra những vấn đề để tiếp tục nghiên cứu trong tương lai. Từ đó có những biện pháp phòng ngừa, can thiệp và giúp đỡ đối với các em.

4.2.1. Sự tác động tiêu cực của BNTT đến sức khỏe của học sinh

Những ảnh hưởng của BNTT đến sức khỏe thể chất của thanh thiếu niên cũng được đề cập trong một số công trình nghiên cứu. Bên cạnh những tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm thần và hành vi của học sinh, các nghiên cứu cũng đã đề cập đến những tác động tiêu cực về sức khỏe thể chất của các em. Kowalski và Limber, đã khảo sát thanh thiếu niên Mỹ và phát hiện ra rằng những thanh thiếu niên vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm của BNTT đã trải qua các dạng tâm lý nghiêm trọng hơn (ví dụ: lo lắng, trầm cảm và hành vi tự tử) và các vấn đề về sức khỏe thể chất (ví dụ: khó ngủ, đau đầu, chán ăn).²³ Tương tự, Beckman đã khảo sát thanh thiếu niên Thụy Điển và tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa việc dính líu đến bắt nạt trên mạng và các biểu hiện về thể chất bao gồm khó ngủ, đau bụng, nhức đầu và chán ăn, với thanh thiếu niên vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm trải qua những vấn đề tâm lý nghiêm trọng nhất.²³ Sourander và cộng sự đã điều tra mối quan hệ giữa bắt nạt trên mạng với các vấn đề tâm thần và tâm thần ở thanh thiếu niên Phần Lan. Kết quả nghiên cứu của họ cho thấy nạn nhân và thủ phạm BNTT có nhiều khả năng gặp phải các vấn đề về cơ thể, bao gồm khó ngủ, đau đầu và đau bụng, so với những người đồng trang lứa không bị ảnh hưởng.²⁴ Một nghiên cứu quy mô lớn về thanh thiếu niên ở Stockholm, Thụy Điển, Laftman và cộng sự đã phát hiện ra rằng việc trở thành mục tiêu của bắt nạt trên mạng có liên quan đến sức khỏe thể chất kém hơn như đau đầu, đau bụng, chán ăn, rối loạn giấc ngủ... Như vậy, BNTT gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe không chỉ là nạn nhân mà cả thủ phạm BNTT.²⁴

4.2.2. Sự tác động tiêu cực của BNTT đến sức khỏe tâm thần của HS

Đây là vấn đề được sự quan tâm nghiên cứu nhiều nhất của các tác giả khi xem xét sự ảnh hưởng của BNTT đến thanh thiếu niên. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, nạn nhân BNTT có thể dẫn đến lòng tự trọng thấp, căng thẳng, lo lắng và trầm cảm.

Trong nghiên cứu của Nixon về sự ảnh hưởng của BNTT đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên cũng cho thấy rằng, BNTT có tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên như rối loạn cảm xúc tiêu cực, sự cô đơn, lo lắng, trầm cảm, ý định tự tử. Nó có thể gây cho nạn nhân cảm thấy buồn bã, tuyệt vọng và bất lực, gây ra những căng thẳng và đau khổ tâm lý. Nạn nhân lo cho sự an toàn của họ khi đề cập đến các vấn đề BNTT do tính ẩn danh của hình thức bắt nạt này, bởi vì khó xác định thủ phạm đôi khi thủ phạm có thể là bất kỳ ai; ngay cả những người bạn thân nhất của nạn nhân. Điều này làm cho HS càng cảm thấy lo lắng, bất an hơn so với bắt nạt truyền thống. Thanh thiếu niên là mục tiêu của BNTT cho biết cảm giác bối rối, tổn thương, tự trách và sợ hãi gia tăng, cảm thấy tức giận, xấu hổ và khó chịu.²⁵ Bottino và cộng sự cũng cho rằng, một số rủi ro tâm lý xã hội và các vấn đề sức khỏe tâm thần có liên quan đến BNTT bao gồm nạn nhân, thủ phạm và vừa là nạn nhân, vừa là thủ phạm như: căng thẳng cảm xúc, lo lắng xã hội, sử dụng chất kích thích, triệu chứng trầm cảm, ý định tự tử và cố gắng tự tử.²⁶ Một nghiên cứu theo chiều dọc của Gámez-Guadix và cộng sự cho thấy rằng nạn BNTT ở thời điểm đầu tiên có liên quan đến các triệu chứng trầm cảm ở thời điểm thứ hai, kết quả nghiên cứu làm rõ được mối quan hệ nhân quả giữa BNTT với chứng trầm cảm của thanh thiếu niên.²⁷ Yirci, Karakose và Malkoc khi nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của BNTT đối với thanh thiếu niên trung học cũng cho thấy, BNTT gây ra những hậu quả tiêu cực nghiêm trọng về tinh thần và tâm lý xã hội đối với trẻ em và thanh thiếu niên. Vấn đề này được xem là vấn đề sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng. BNTT có thể ảnh hưởng tiêu cực đến động lực của các cá nhân, mối quan hệ của họ với môi trường và thậm chí là sự hài lòng trong cuộc sống của họ, gây ra những cảm xúc tiêu cực như buồn bã, tức giận, căng thẳng, lo lắng, sợ hãi, xấu hổ, cũng như nóng nảy hoặc thịnh nộ. Học sinh có thể cảm thấy lo lắng, sợ hãi, xấu hổ khi đến trường, không dám đối diện, cảm thấy mặc cảm với mọi người. Từ đó dẫn đến trầm cảm ở thanh thiếu niên.²⁸

4.2.3. Sự tác động tiêu cực của BNTT đến hoạt động và hành vi của HS

BNTT cũng ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động, các mối quan hệ xã hội cũng như hành vi của học sinh. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, BNTT có thể dẫn đến kết quả học tập giảm sút, làm hạn chế mối quan hệ với bạn bè và những người xung quanh, làm tăng hành vi hung hăng và có thể dẫn đến hành vi tự sát ở thanh thiếu niên.

Hinduja và Patchin khi xem xét mối quan hệ giữa BNTT với ý định tự tử của học sinh trung học ở Mỹ, kết quả cho thấy nạn nhân và thủ phạm BNTT đều có nhiều khả năng nghĩ đến việc tự tử và có ý định tự tử, trong đó ý định tự tử của nạn nhân cao hơn so với thủ phạm.²⁹ Điều này cũng được thể hiện trong nghiên cứu của Klomek và cộng sự, và nghiên cứu của Schneider và cộng sự có mối quan hệ tích cực giữa BNTT với hành vi tự tử, BNTT là gia tăng mức độ trầm cảm, ý định tự tử và nỗ lực tự tử của thanh thiếu niên là nạn nhân.^{30,31} Nghiên cứu của A. John và cộng sự tìm hiểu các công trình nghiên cứu có liên quan đến mối quan hệ giữa BNTT với hành vi tự gây hại và hành vi tự tử của thanh thiếu niên, kết quả nghiên cứu cho thấy, BNTT là gia tăng hành vi tự gây hại cho bản thân và hành vi tự tử của thanh thiếu niên, đặc biệt là nạn nhân của BNTT.³²

Trong nghiên cứu của Hamm và cộng sự về ảnh hưởng của BNTT đối với trẻ em và thanh thiếu niên nhận thấy rằng, BNTT làm cho các em cảm thấy mất tự tin, khép kín, thu mình đồng thời phát triển cảm giác khó chịu chung, ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ trong gia đình, bạn bè và quan hệ tình cảm với người khác, có xu hướng thực hiện hành vi hung hăng và ảnh hưởng đến học tập (điểm thấp, ít đi học, gặp rắc rối khi đến trường), sử dụng rượu và các chất kích thích, cảm thấy lo lắng và dễ dẫn đến trầm cảm.³³ Tanrikulu và cộng sự BNTT ảnh hưởng đến nhiều vấn đề về sức khỏe tâm thần và hành vi của thanh thiếu niên như trầm cảm, sợ hãi con người, tránh xa công nghệ và môi trường ảo, sử dụng ma túy, bỏ học và trốn tránh trách nhiệm.³⁴

Nghiên cứu của Kabadayi và Sari thì thủ phạm và nạn nhân của BNTT thường có hành vi gây hấn, xu hướng gia tăng hành vi hung hăng, bạo lực, thu mình, khép kín và có mối quan hệ không tốt đối với bạn bè, họ có lòng tự trọng và sự đồng cảm thấp, từ đó dễ dẫn đến xu hướng phạm tội.³⁵

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề BNTT ở HS THCS

Theo các nhà nghiên cứu vấn đề BNTT có liên quan đến các yếu tố nhân khẩu học như độ tuổi và giới tính. Trong các nghiên cứu của Wang và cộng sự, Turner và cộng sự, Walrave và Heiman cho rằng, tuổi vị thành niên dường như là thời điểm đặc biệt dễ bị tổn thương đối với việc trở thành nạn nhân và phạm tội BNTT so với các nhân khẩu học ở độ tuổi khác.⁵⁻⁷ Tuy nhiên, ngay cả ở thanh thiếu niên, vẫn có sự khác biệt về tần suất BNTT. Khi học sinh chuyển từ lớp 6 lên lớp 8, các em có nhiều khả năng tham gia vào BNTT với tư cách là nạn nhân và/hoặc thủ phạm.^{9,36,37} Tuy nhiên, có hai điểm đáng lưu ý ở đây. Thứ nhất, ngày càng có nhiều học sinh tiểu học¹⁹ cũng như sinh viên đại học và người lớn tuổi bị BNTT.^{38,39} Thứ hai, tỷ lệ phổ biến đối với một nhóm nhân khẩu học ở độ tuổi nhất định bị ảnh hưởng bởi phương thức được sử dụng để thực hiện BNTT. Do đó, trong khi học sinh lớp sáu đến lớp mười hai có thể dễ bị BNTT thông qua mạng xã hội hơn, thì học sinh tiểu học lại phạm tội và là nạn nhân của BNTT phổ biến nhất thông qua trò chơi trực tuyến.¹⁹ Đối với giới tính, trong nghiên cứu của Hoff & Mitchell, Kowalski & Limber và Tokunaga cho rằng phụ nữ có nhiều khả năng trở thành nạn nhân và thủ phạm của BNTT hơn nam giới.^{13,16,38} Nghiên cứu của Sourander và cộng sự cho thấy nam giới có nhiều khả năng thực hiện hành vi BNTT hơn nữ giới, nhưng nữ giới có nhiều khả năng trở thành mục tiêu của BNTT hơn.²⁴ Trong nghiên cứu “Investigation of the relationship between cyber bullying behaviours and internet addiction in adolescents” của G. Cinar và cộng sự cũng chỉ ra rằng có sự khác biệt giữa giới tính và độ tuổi đối với mối quan hệ giữa hành vi BNTT và nghiện Internet. Các nhà nghiên cứu cho rằng, nam giới

có biểu hiện bắt nạt trên mạng và tiếp xúc với bắt nạt trên mạng nhiều hơn nữ giới; độ tuổi của học sinh tăng lên, tỷ lệ các tình huống bắt nạt/nạn nhân BNTT trở nên cao hơn.⁴⁰

Ngoài những yếu tố nhân khẩu học, các nghiên cứu tập trung vào các yếu tố cá nhân và các yếu tố tình huống có ảnh hưởng lớn đến vấn đề BNTT ở HS. Các yếu tố cá nhân được các tác giả quan tâm như nhận thức, thái độ, sự đồng cảm, lòng tự trọng, sự buông thả về đạo đức, tính hiếu động thái quá, lo lắng xã hội và trí thông minh xã hội và các yếu tố tình huống như: việc sử dụng MXH, internet; mối quan hệ bạn bè, sự quan tâm, giám sát của gia đình, nhà trường hay xã hội. Chẳng hạn:

Nghiên cứu gần đây đã xác định mối liên hệ giữa việc trở thành nạn nhân của BNTT và chứng lo âu xã hội.⁴¹ Bằng chứng sâu hơn về mối liên hệ nhân quả có thể có giữa chứng lo âu xã hội và việc trở thành nạn nhân của BNTT đã được tìm thấy trong một nghiên cứu dài hạn về thanh thiếu niên ở Bỉ.⁴² Các tác giả này phát hiện ra rằng những cá nhân có mức độ lo lắng xã hội cao có nhiều khả năng báo cáo mức độ trở thành nạn nhân cao trong cả bắt nạt truyền thống và BNTT theo thời gian.^{41,42} Trong nghiên cứu của Navarro và cộng sự cho rằng trí thông minh xã hội là một yếu tố dự báo quan trọng về việc trở thành nạn nhân của BNTT, với những cá nhân có trí thông minh xã hội cao hơn ít có khả năng báo cáo việc trở thành nạn nhân trên mạng.⁴³

Nghiên cứu “Are cyberbullies less empathic? Adolescents' cyberbullying behavior and empathic responsiveness” của G. Steffgen và cộng sự cho thấy, những người BNTT ít thể hiện sự đồng cảm hơn so với những người không BNTT. Các phát hiện hiện tại chỉ ra rằng các chương trình phòng ngừa cần nhận thức rằng sự đồng cảm đóng một vai trò quan trọng trong bối cảnh gây hấn trực tuyến. Do đó, liên quan đến phòng ngừa, đào tạo kỹ năng cho thanh thiếu niên có thể bao gồm các thành phần cụ thể để đào tạo phản ứng đồng cảm trong bối cảnh sử dụng phương tiện truyền thông. Điều này có thể

đạt được, ví dụ, bằng cách chỉ ra hậu quả đối với nạn nhân của bắt nạt trên mạng. Gần đây, người ta đã chứng minh rằng những người xem bạo lực trên phương tiện truyền thông đã có phản ứng đồng cảm mạnh mẽ khi nêu bật hậu quả của một hành động bạo lực.⁴⁴

Nghiên cứu của nhóm tác giả H. Sampasa-Kanyinga và H. A. Hamilton “Use of social networking sites and risk of cyberbullying victimization: A population-level study of adolescents” nhằm xem xét mối quan hệ giữa việc sử dụng mạng xã hội và nạn nhân BNTT. Các nhà nghiên cứu khi xem xét đánh giá mối quan hệ này đã cho rằng, chỉ riêng việc giảm thời gian dành cho MXH có thể không phải là một giải pháp để ngăn chặn bắt nạt trên mạng. Thay vào đó, việc kết hợp giảm thời gian dành cho MXH cùng với nâng cao nhận thức và giáo dục có thể hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn bắt nạt trực tuyến ở thanh thiếu niên; khuyến khích sự giám sát của cha mẹ, sự quan tâm, giám sát và quản lý của nhà trường có thể là một cách khác để bảo vệ thanh thiếu niên; nâng cao nhận thức và kiến thức của phụ huynh về những lạm dụng của MXH và các biện pháp ngăn chặn hoặc chấm dứt BNTT là rất quan trọng trong việc làm cho các nền tảng web này trở nên an toàn và thú vị hơn đối với thanh thiếu niên.⁴⁵

Nghiên cứu của nhóm tác giả M. Hood và A. L. Duffy “Understanding the relationship between cyber-victimisation and cyber-bullying on Social Network Sites: The role of moderating factors” nhằm xem xét mức độ tác động của các yếu tố kiểm duyệt: các yếu tố liên quan đến đạo đức (sự buông thả về đạo đức, đồng cảm nhận thức và đồng cảm về tình cảm), nhân khẩu học (tuổi tác, giới tính) và các yếu tố tình huống (sử dụng Internet, giám sát Internet của cha mẹ) đến mối quan hệ giữa nạn nhân và bắt nạt trên các trang MXH. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự buông thả về đạo đức là yếu tố rủi ro gây ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến BNTT cũng như mối quan hệ giữa nạn nhân BNTT và kẻ gây ra BNTT trên MXH; sự giám sát của cha mẹ là yếu tố bảo vệ quan trọng nhất, sự giám sát của cha mẹ đối

với hành vi sử dụng internet, MXH của thanh thiếu niên hiệu quả làm suy yếu khả năng BNTT cũng như trở thành nạn nhân của BNTT; ngoài ra các yếu tố như sự đồng cảm, nhận thức, độ tuổi, giới tính, việc sử dụng Internet cũng có ảnh hưởng đến hành vi BNTT trên MXH.⁴⁶

A. Reginasari và cộng sự với nghiên cứu “The Role of Self-Esteem and Perceived Parental Mediation in Cyberbullying” nhằm xem xét vai trò của yếu tố lòng tự trọng và sự hòa giải của cha mẹ để bảo vệ thanh thiếu niên khỏi những rủi ro trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lòng tự trọng đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức về sự hòa giải của cha mẹ và xu hướng bắt nạt trên mạng, nghiên cứu chỉ ra rằng, thanh thiếu niên có lòng tự trọng cao có nguy cơ thấp trở thành kẻ BNTT, ngược lại nếu lòng tự trọng thấp là yếu tố dự báo mạnh mẽ về hành vi BNTT. Sự hòa giải của cha mẹ là yếu tố bảo vệ thanh thiếu niên khỏi nguy cơ BNTT, xu hướng bắt nạt trên mạng ở thanh thiếu niên có thể được ngăn chặn bằng cách tối ưu hóa chiến lược hòa giải của cha mẹ, như một yếu tố môi trường và nuôi dưỡng các yếu tố nhân cách tích cực (bao gồm cả lòng tự trọng). Thanh thiếu niên nhận thức được sự hòa giải của cha mẹ một cách tích cực và được củng cố bằng cách có lòng tự trọng tích cực (ổn định) có thể giảm nguy cơ bị BNTT. Cha mẹ có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích con cái ở tuổi vị thành niên đánh giá bản thân một cách tích cực. Cha mẹ thể hiện sự quan tâm và yêu thương (tức là hòa giải tích cực) cho con cái của họ và cân nhắc họ là một phần quan trọng của gia đình sẽ cung cấp sự hỗ trợ có ý nghĩa cho giá trị bản thân của con cái họ ở tuổi vị thành niên.⁴⁷

Ở Việt Nam, một số nghiên cứu cũng đã tiến hành xem xét các yếu tố tác động đến hành vi BNTT của HS. Dương Thị Huỳnh Mai và cộng sự trong nghiên cứu “Bắt nạt trực tuyến và các yếu tố liên quan ở học sinh THCS, THPT tại thành phố Hồ Chí Minh” cũng đã xác định một số yếu tố liên quan đến hành vi BNTT đó là các yếu tố về sử dụng internet, yếu tố về gia đình, nhà trường và yếu tố xã hội. Cụ thể, nghiên

cứu đã chỉ ra rằng, việc gia tăng thời gian truy cập internet mỗi ngày có ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng bị BNTT; Về đặc điểm gia đình, kết quả có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa bị BNTT với sự quan tâm của cha, mẹ. Nhóm học sinh có cha, mẹ quan tâm thì đều giảm số chênh bị BNTT với nhóm không được cha, mẹ quan tâm; trường học cũng là một yếu tố giúp ngăn chặn tình trạng bị BNTT, cụ thể là việc học sinh được giáo viên đối xử công bằng có ảnh hưởng đến hành vi BNTT của HS; về phía xã hội: nhóm học sinh sống tại khu vực có tệ nạn xã hội sẽ có số chênh bị BNTT cao so với nhóm sống tại khu vực an ninh và việc chơi với bạn trong xóm có hành vi bắt nạt người khác có khả năng trở thành nạn nhân BNTT.⁴⁸

Trong nghiên cứu “mối quan hệ giữa chất lượng tình bạn và bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội” của Trần Văn Công và cộng sự, kết quả nghiên cứu cho thấy, tình bạn là mối quan hệ quan trọng của thiếu niên, chất lượng tình bạn với bạn thân có ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành vi của các em. Các em có mức độ xung đột, tranh cãi với bạn thân hoặc bị chính bạn thân phản bội càng nhiều càng có khả năng trở thành thủ phạm hoặc nạn nhân của bắt nạt trực tuyến. Về giới tính, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, nạn nhân của bắt nạt trực tuyến là nam nhiều hơn nữ.⁴⁹

Nghiên cứu “Bắt nạt qua mạng của học sinh trung học phổ thông và một số yếu tố liên quan” của Phạm Thị Thu Ba và Phạm Quỳnh Anh có một số yếu tố tác động đến hành vi BNTT qua MXH, bao gồm các yếu tố về nhân khẩu học như: giới tính, khu vực trường học và các yếu tố khác như: mức độ yêu mến của bạn bè và thời gian chơi game online. Cụ thể theo nhóm tác giả, so với học sinh nữ, học sinh nam có nguy cơ bị bắt nạt qua mạng nhiều hơn; HS ở các trường khu vực thành thị có nguy cơ bị bắt nạt qua mạng nhiều hơn so với HS ở nông thôn; HS có mức độ yêu mến thấp hoặc trung bình có nguy cơ bị bắt nạt hơn so với HS có mức độ yêu mến cao hoặc rất cao trong nhóm bạn và HS có thời gian chơi game online là từ 3 giờ/ngày trở lên có nguy

cơ bị bắt nạt qua mạng cao hơn 2,34 lần so với nhóm chơi game online dưới 1 giờ/ngày.⁵⁰

5. KẾT LUẬN

Qua đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam có thể nhận thấy một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về thực trạng BNTT ở lứa tuổi HS THCS cũng khá phổ biến. Theo đánh giá của một số nghiên cứu, tỷ lệ phổ biến chung của BNTT thường nằm trong khoảng từ 10% đến 40%. Tỷ lệ BNTT phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như đặc điểm nhân khẩu học của cá nhân được lấy mẫu và thang đo BNTT được sử dụng. Các nghiên cứu nhận thấy rằng, sự tăng lên về việc sử dụng Internet, MXH có thể kéo theo sự gia tăng tình trạng BNTT ở học sinh.

Thứ hai, về sự tác động của BNTT đối với HS THCS cũng hết sức nghiêm trọng. BNTT tác động tiêu cực không chỉ đến nạn nhân mà cả thủ phạm BNTT. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, BNTT ảnh hưởng xấu đến sức khỏe thể chất, đời sống tinh thần cũng như hoạt động và hành vi của các em.

Thứ ba, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề BNTT ở lứa tuổi HS THCS. Ngoài những yếu tố nhân khẩu học như: giới tính, độ tuổi, khu vực sinh sống, thì các yếu tố cá nhân như: nhận thức, thái độ của HS về BNTT, các yếu tố như sự đồng cảm, lòng tự trọng, sự buông thả về mặt đạo đức, tính hiếu động thái quá, lo lắng xã hội và trí thông minh xã hội và các yếu tố tình huống như: việc sử dụng MXH, internet; mối quan hệ bạn bè, sự quan tâm, giám sát của gia đình, nhà trường hay xã hội có ảnh hưởng đến vấn đề BNTT ở lứa tuổi HS THCS.

Nhìn chung, vấn đề BNTT của HS THCS đã được các tác giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là những năm gần đây. Các tác giả trên thế giới đã tiến hành nghiên cứu thực trạng mức độ hành vi BNTT, trong đó làm rõ mức độ nạn nhân và thủ phạm, cũng như vừa là nạn nhân - thủ phạm BNTT của học sinh, những tác động của BNTT đến sức khỏe, đời

sống tâm lý của các em, xác định các yếu tố tác động về đề xuất các biện pháp, xây dựng các mô hình, chương trình để phòng ngừa, hỗ trợ HS bị BNTT. Tuy nhiên, việc nghiên cứu ở Việt Nam về vấn đề này cũng còn rất ít, các nghiên cứu chủ yếu vẫn tập trung vào đối tượng HS trung học phổ thông, trong khi đó lứa tuổi HS THCS vẫn chưa thật sự quan tâm đúng mức, đặc biệt là những nghiên cứu về sự tác động của BNTT, những yếu tố ảnh hưởng đến BNTT ở HS THCS, đồng thời các giải pháp hỗ trợ học sinh về vấn đề này vẫn còn nhiều hạn chế. Đây cũng là những khoảng trống cần được quan tâm nghiên cứu trong thời gian tới.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2023.809.19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. D. Griffiths, D. J. Kuss, Z. Demetrovics. Social networking addiction: an overview of preliminary findings, *Behavioral Addictions: Criteria, Evidence, and Treatment*, **2014**, 119-141.
2. D. Aizenkot. WhatsApp cyberbullying among children and adolescents in Israel: a pilot research, *Educational Counseling*, **2017**, 20, 363-389.
3. J. K. Chen, R. A. Astor. School violence in Taiwan: examining how Western risk factors predict school violence in an Asian culture, *Journal of Interpersonal Violence*, **2010**, 25(8), 1388-1410.
4. N. T. B. Thủy. Thực trạng bắt nạt trực tuyến của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Đại học Văn Hiến*, **2022**, 8(5), 98-105.
5. J. Wang, R. J. Iannotti, T. R. Nansel. School bullying among adolescents in the United States: physical, verbal, relational, and cyber, *Journal of Adolescent Health*, **2009**, 45, 368-375.

6. H. A. Turner, D. Finkelhor, S. L. Hamby, A. Shattuck, R. K. Ormrod. Specifying the type and location of peer victimization in a national sample of children and youth, *Journal of Youth & Adolescence*, **2011**, 40, 1052-1067.
7. M. Walrave, W. Heirman. Cyberbullying: predicting victimisation and perpetration, *Children & Society*, **2011**, 25, 59-72.
8. C. Evangelio, P. R. Gonzalez, J. F. Rio, S. G. Villora. Cyberbullying in elementary and middle school students: a systematic review, *Computers & Education*, **2022**, 176, 104356.
9. R. M. Kowalski, G. W. Giumetti, A. N. Schroeder, M. R. Lattanner. Bullying in the digital age: a critical review and meta-analysis of cyberbullying research among youth, *Psychological Bulletin*, **2014**, 140, 1073-1137.
10. R. M. Kowalski, S. E. Limber, P. W. Agatston. *Cyberbullying: bullying in the digital age (2nd edition)*, Wiley-Blackwell, Malden, 2012.
11. P. K. Smith. The nature of cyberbullying and what we can do about it, *Journal of Research in Special Education Needs*, **2015**, 15, 176-184.
12. P. K. Smith, J. Mahdavi, M. Carvalho, S. Fisher, S. Russell, N. Tippett. Cyberbullying: its nature and impact in secondary school pupils, *The Journal of Child Psychology and Psychiatry*, **2008**, 49, 376- 385
13. R. S. Tokunaga. Following you home from school: a critical review and synthesis of research on cyberbullying victimization, *Computers in Human Behavior*, **2010**, 26, 277-287.
14. T. V. Công, N. P. H. Ngọc, N. T. Dương, N. T. Thắm. Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến, *Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Nghiên cứu giáo dục*, **2015**, 31(3), 11-24.
15. A. Nocentini, J. Calmaestra, A. S. Krumbholz, H. Scheithauer, R. Ortega, E. Menesini. Cyberbullying: labels, behaviours and definition in three European countries, *Journal of Psychologists and Counsellors in Schools*, **2010**, 20(2), 129-142.
16. R. M. Kowalski, S. P. Limber. Electronic bullying among middle school students, *Journal of Adolescent Health*, **2007**, 41(6), S22-S30.
17. F. Mishna, M. K. Kassabri, T. Gadalla, J. Daciuk. Risk factors for involvement in cyber bullying: victims, bullies and bully-victims, *Children and Youth Services Review*, **2012**, 34(1), 63-70.
18. E. Rice, R. Petering, H. Rhoades, H. Winetrobe, J. Goldbach, A. Plant, J. Montoya, T. Kordic. Cyberbullying perpetration and victimization among middle-school students, *American Journal of Public Health*, **2015**, 105(3), 66-72.
19. E. Martellozzo, E. Jane. *Cybercrime and its victims*, Taylor & Francis Group, London, 2017.
20. W. Craig, M. B. Nissim, N. King, S. D. Walsh, M. Boer, P. D. Donnelly, Y. H. Fisch, M. M. Cieřlik, M. G. D. Matos, A. Cosma, R. V. D. Eijnden, A. Vieno, F. J. Elgar, M. Molcho, Y. Bjereld, W. Pickett. Social media use and cyber-bullying: a cross-national analysis of young people in 42 countries, *Journal of Adolescent Health*, **2020**, 66(6), S100-S108.
21. T. V. Công. Bắt nạt ở học sinh trong thời đại số, *Tạp chí Tâm lý học*, **2018**, 11(236), 28-41.
22. R. M. Kowalski, S. P. Limber. Psychological, physical, and academic correlates of cyberbullying and traditional bullying, *Journal of Adolescent Health*, **2013**, 53(1), S13-S20.
23. S. B. Låftman, B. Modin, V. Östberg. Cyberbullying and subjective health: a large-scale study of students in Stockholm, Sweden, *Children and Youth Services Review*, **2013**, 35(1), 112-119.
24. A. Sourander, A. B. Klomek, M. Ikonen, J. Lindroos, T. Luntamo, M. Koskelainen, T. Ristkari, H. Henenius. Psychosocial risk factors associated with cyberbullying among adolescents: a population-based study, *Archives of General Psychiatry*, **2010**, 67, 720-728.
25. C. L. Nixon. Current perspectives: the impact of cyberbullying on adolescent health, *Adolescent Health, Medicine and Therapeutics*, **2014**, 143-158.
26. S. M. B. Bottino, C. Bottino, C. G. Regina, A. V. L. Correia, W. S. Ribeiro. Cyberbullying and adolescent mental health: systematic review, *Cadernos de Saude Publica*, **2015**, 31, 463-475.

27. M. G. Guadix, I. Orue, P. K. Smith, E. Calvete. Longitudinal and reciprocal relations of cyberbullying with depression, substance use, and problematic internet use among adolescents, *Journal of Adolescent Health*, **2013**, 53(4), 446-452.
28. R. Yirci, T. Karakose, N. Malkoc. Examining the influence of cyberbullying perpetration and victimization among high school adolescents-associations with gender and grade level, *Educational Process: International Journal*, **2021**, 10(4), 55.
29. S. Hinduja, J. W. Patchin. Bullying, cyberbullying, and suicide, *Archives of Suicide Research*, **2010**, 14(3), 206-221.
30. A. B. Klomek, F. Marrocco, M. Kleinman, I. S. Schonfeld, M. S. Gould. Peer victimization, depression, and suicidality in adolescents, *Suicide and Life-Threatening Behavior*, **2008**, 38(2), 166-180.
31. S. K. Schneider, L. O'donnell, A. Stueve, R. W. Coulter. Cyberbullying, school bullying, and psychological distress: a regional census of high school students, *American Journal of Public Health*, **2012**, 102(1), 171-177.
32. A. John, A. C. Glendenning, A. Marchant, P. Montgomery, A. Stewart, S. Wood, K. Lloyd, K. Hawton. Self-harm, suicidal behaviours, and cyberbullying in children and young people: systematic review, *Journal of Medical Internet Research*, **2018**, 20(4), e129.
33. M. P. Hamm, A. S. Newton, A. Chisholm, J. Shulhan, A. Milne, P. Sundar, H. Ennis, S. D. Scott, L. Hartling. Prevalence and effect of cyberbullying on children and young people: a scoping review of social media studies, *JAMA Pediatrics*, **2015**, 169(8), 770-777.
34. T. Tanrıku, H. Kınay, O. T. Arıca. Sensibility development program against cyberbullying, *New Media & Society*, **2015**, 17(5), 708-719.
35. F. Kabadayi, S. V. Sari. What is the role of resilience in predicting cyber bullying perpetrators and their victims?, *Journal of Psychologists and Counsellors in Schools*, **2018**, 28(1), 102-117.
36. S. Hinduja, J. W. Patchin. Cyberbullying: an exploratory analysis of factors related to offending and victimization, *Deviant Behavior*, **2008**, 29, 129-156.
37. K. R. Williams, N. G. Guerra. Prevalence and predictors of internet bullying, *Journal of Adolescent Health*, **2007**, 41, 14-21.
38. D. L. Hoff, S. N. Mitchell. Cyberbullying: causes, effects, and remedies, *Journal of Educational Administration*, **2009**, 47, 652-665.
39. R. M. Kowalski, C. Morgan, K. D. Lavelle, B. Allison. Cyberbullying among college students with disabilities, *Computers in Human Behavior*, **2016**, 57, 416-427.
40. G. Cinar, U. Beyazit, Y. Yurdakul, A. B. Ayhan. Investigation of the relationship between cyber bullying behaviours and internet addiction in adolescents, *Press Academia Procedia*, **2017**, 4(1), 123-128.
41. D. A. García, J. N. Pérez, A. D. González, C. R. Pérez. Risk factors associated with cybervictimization in adolescence, *International Journal of Clinical and Health Psychology*, **2015**, 15(3), 226-235.
42. S. Pabian, H. Vandebosch. An investigation of short-term longitudinal associations between social anxiety and victimization and perpetration of traditional bullying and cyberbullying, *Journal of Youth and Adolescence*, **2016**, 45, 328-339.
43. R. Navarro, S. Yubero, E. Larrañaga, V. Martínez. Children's cyberbullying victimization: associations with social anxiety and social competence in a Spanish sample, *Child Indicators Research*, **2012**, 5, 281-295.
44. G. Steffgen, A. König, J. Pfetsch, A. Melzer. Are cyberbullies less empathic? Adolescents' cyberbullying behavior and empathic responsiveness, *Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking*, **2011**, 14(11), 643-648.
45. H. S. Kanyinga, H. A. Hamilton. Use of social networking sites and risk of cyberbullying victimization: a population-level study of adolescents, *Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking*, **2015**, 18(12), 704-710.

46. M. Hood, A. L. Duffy. Understanding the relationship between cyber-victimisation and cyber-bullying on social network sites: the role of moderating factors, *Personality and Individual Differences*, **2018**, 133, 103-108.
47. A. Reginasari, T. Afiatin, H. Akhtar. The role of self-esteem and perceived parental mediation in cyberbullying, *Jurnal Psikologi*, **2021**, 48(2), 163-172.
48. D. T. H. Mai, V. K. Duy, Đ. T. T. Ngân, T. N. G. Hương, T. T. Trúc. Bị bắt nạt trực tuyến và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, **2021**, 25(2), 42-49.
49. T. V. Công, N. T. H. Phương. Mối quan hệ giữa chất lượng tình bạn và bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, **2018**, 60(4), 1-5.
50. P. T. T. Ba, T. Q. Anh. Bắt nạt qua mạng ở học sinh THPT và một số yếu tố liên quan, *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, **2016**, 104(6), 35-42.